

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 6- 2020

V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Tài

Bà Nguyễn Bé Bảy

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: ấp 17, xã KA, huyện U M, tỉnh C (có mặt).

Bị đơn: Chị Trần Mộng N, sinh năm 1992

Địa chỉ cư trú: ấp 17, xã KA, huyện U M, tỉnh C (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/3/2020 và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Trần Mộng N chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cự cãi, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã ly thân, anh V yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Vàng, sinh ngày 15/7/2009 và Nguyễn Văn Đầy, sinh ngày 11/01/2012, hiện tại anh V đang nuôi

dưỡng. Anh V yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Vàng và cháu Đây, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 27/3/2020 chị Trần Mộng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh V chung sống với nhau vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, chị N đồng ý ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị N và anh V có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Vàng, sinh ngày 15/7/2009 và cháu Nguyễn Văn Đây, sinh ngày 11/07/2012. Hiện tại các con chung do anh V nuôi dưỡng, chị N đồng ý tiếp tục giao 2 cháu cho anh V nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung là không có

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 11/6/2020 cháu Nguyễn Văn Vàng và cháu Nguyễn Văn Đây trình bày:

Nguyện vọng của cháu Vàng và cháu Đây sau khi anh V và chị N ly hôn 2 cháu có nguyện vọng được do cha là anh V nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với chị Trần Mộng N, địa chỉ cư trú ấp 17, xã KA, huyện U M, tỉnh C, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Chị Trần Mộng N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Trần Mộng N tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2008. Trong quá trình chung sống giữa anh V và chị N xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân, anh V và chị N đồng ý ly hôn nhau. Tuy nhiên giữa anh V và chị N chung sống vợ chồng với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo Luật hôn nhân và gia đình tại khoản 1 Điều 14 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*” và tại khoản 2 Điều 53 quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn V với chị Trần Mộng N.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn V và chị Trần Mộng N cùng thống nhất tiếp tục giao cháu Nguyễn Văn Vàng và cháu Nguyễn Văn Đây cho anh V nuôi dưỡng nên ghi nhận sự tự nguyện này. Mặt khác, cháu Vàng và cháu Đây có nguyện vọng được do anh V nuôi dưỡng cần ghi nhận nguyện vọng của 2

cháu. Do đó, tiếp tục giao cháu Vàng và cháu Đây cho anh V nuôi dưỡng là đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý, tình cảm. Chị N có quyền thăm nom cháu Vàng và cháu Đây không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn V và chị Trần Mộng N cùng thống nhất không có nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn V và chị Trần Mộng N cùng thống nhất không có nên không xem xét

[6] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn V và chị Trần Mộng N cùng thống nhất không có nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng, anh V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004899 ngày 27/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; chị Trần Mộng N không phải chịu án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Nguyễn Văn V với chị Trần Mộng N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Vàng, sinh ngày 15/7/2009 và cháu Nguyễn Văn Đây, sinh ngày 11/01/2012 cho anh Nguyễn Văn V nuôi dưỡng. Cháu Vàng và cháu Đây hiện đang do anh V nuôi dưỡng, anh V tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trần Mộng N có quyền thăm nom cháu Vàng và cháu Đây không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng, anh V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004899 ngày 27/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; chị Trần Mộng N không phải chịu án phí

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn

